

Số: /KH-UBND

Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2024

**DỰ THẢO**

**KẾ HOẠCH**

**Triển khai thực hiện Đề án phát triển cây công nghiệp chủ lực đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

Căn cứ Quyết định số 431/QĐ-BNN-TT ngày 26/01/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Đề án phát triển cây công nghiệp chủ lực đến năm 2030 (Gồm các cây: cà phê, cao su, chè, điều, hồ tiêu, dứa);

Căn cứ Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 18/02/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025.

Căn cứ Quyết định số 613/QĐ-UBND ngày 12/05/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành Kế hoạch Triển khai thực hiện Đề án phát triển cây công nghiệp chủ lực đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, cụ thể như sau:

## I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

### 1. Mục đích

- Triển khai kịp thời, có hiệu quả các nhiệm vụ và giải pháp quy định tại Quyết định số 431/QĐ-BNN-TT ngày 26/01/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Phát triển cây công nghiệp trên cơ sở phát huy lợi thế về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của từng vùng sinh thái; nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng, khả năng cạnh tranh của sản phẩm;

- Đẩy mạnh liên kết tại vùng sản xuất cây công nghiệp; áp dụng các tiến bộ khoa học công nghệ trong sản xuất, bảo quản và chế biến sản phẩm cây công nghiệp.

- Tăng cường chế biến để đa dạng hóa sản phẩm; xây dựng mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc; huy động các nguồn lực xã hội để đầu tư phát triển sản xuất, chế biến sản phẩm cây công nghiệp.

### 2. Yêu cầu

Phát triển cây công nghiệp phải phù hợp với Đề án phát triển cây công nghiệp chủ lực đến năm 2030 (Gồm các cây: cà phê, cao su, chè, điều, hồ tiêu, dứa) của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025; Kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

## II. MỤC TIÊU

### 1. Mục tiêu chung

Phát triển cây công nghiệp (Dừa, Chè, Hồ tiêu) trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030 có quy mô tập trung, theo hướng hàng hóa, sử dụng tối ưu các nguồn lực, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên bộ vào sản xuất, bảo vệ môi trường sinh thái, phát triển sản phẩm theo chuỗi giá trị, nâng cao sức cạnh tranh sản phẩm cây công nghiệp chủ lực trên thị trường.

### 2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Duy trì và phát triển diện tích cây công nghiệp toàn tỉnh đạt trên 3.179,2 ha, sản lượng 26.726,56 tấn/năm; nâng cao giá trị sản phẩm các cây công nghiệp, gắn với phát triển du lịch như cây dừa, chè.

- Đến năm 2030, tỷ lệ diện tích cây công nghiệp (Dừa, Chè, Hồ tiêu) áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP và tương đương trở lên) được cấp mã số vùng trồng đạt từ 50% trở lên.

## III. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI ÁP DỤNG

### 1. Đối tượng áp dụng

- Hộ gia đình, cá nhân sản xuất cây công nghiệp.
- Các tổ chức (Doanh nghiệp, Hợp tác xã/Tổ hợp tác, liên hiệp hợp tác xã..) có hợp đồng, liên kết sản xuất gắn với thu mua, chế biến, tiêu thụ sản phẩm cây công nghiệp.
- Các cơ quan, tổ chức, đơn vị nhà nước có liên quan.

### 2. Phạm vi áp dụng

- Các vùng sản xuất cây công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.
- Các loại cây công nghiệp có giá trị kinh tế trong phạm vi Kế hoạch gồm: cây Dừa, cây Chè, cây Hồ tiêu.

## IV. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2030

### 1. Cây Dừa

- Diện tích trồng Dừa đạt 3.000 ha, diện tích cho sản phẩm 2.900 ha, năng suất đạt 90 tạ/ha/năm, sản lượng đạt 26.100 tấn. Tỷ lệ diện tích trồng Dừa được cấp mã số vùng trồng đạt từ 40% trở lên.

- Chú trọng chuyển giao các giống Dừa mới có năng suất và giá trị kinh tế cao vào sản xuất, phù hợp với mục tiêu phát triển của địa phương, đẩy mạnh sản xuất Dừa an toàn theo VietGap và tương đương trở lên. Hình thành vùng sản xuất tập trung được cấp mã số vùng trồng ở một số huyện, thị xã, thành phố có diện tích cây Dừa cao như: Thị xã Đức Phổ; Bình Sơn; Sơn Tịnh; TP Quảng Ngãi, kết hợp phát triển cảnh quan, văn hóa, du lịch tại các vùng trồng Dừa trọng điểm.

- Đầu tư trang thiết bị để đa dạng hóa sản phẩm từ cây Dừa và tăng cường sử dụng, chế biến phế phụ phẩm từ dừa như: gạo dừa, xơ dừa, lá dừa, thân dừa... để làm thành những vật dụng hữu ích, sản phẩm thân thiện với môi trường, góp phần gia tăng giá trị ngành dừa và bảo vệ môi trường.

## **2. Cây Chè**

- Tập trung phát triển vùng Chè truyền thống, cải tạo khôi phục, hình thành vùng sản xuất tập trung ở các vùng chè cũ tại huyện Minh Long và huyện Trà Bồng. Ổn định diện tích cây Chè khoảng 100 ha, sản lượng 500 tấn chè tươi để cung cấp cho nhu cầu trong tỉnh. Tỷ lệ diện tích trồng Chè được cấp mã số vùng trồng đạt từ 70% trở lên

- Đầu tư công nghệ, thiết bị để nâng cao chất lượng, đa dạng hóa sản phẩm chè. Xây dựng, hình thành các vùng sản xuất chè áp dụng quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), sản xuất an toàn theo VietGap và tương đương trở lên được cấp mã số vùng trồng theo hướng sinh thái; liên kết sản xuất, chế biến sản phẩm chè.

## **3. Cây Hồ tiêu**

- Phân đấu đến năm 2030, diện tích khoảng 100 ha, sản lượng đạt khoảng 159,8 tấn. Tăng cường sản xuất tiêu an toàn theo VietGap và tương đương trở lên được cấp mã số vùng trồng; đẩy mạnh phát triển sản xuất cây Hồ tiêu ở các huyện Nghĩa Hành; Sơn Tịnh; Mộ Đức; Tư Nghĩa; Bình Sơn; Trà Bồng. Tỷ lệ diện tích trồng Hồ tiêu được cấp mã số vùng trồng đạt từ 40% trở lên.

- Lựa chọn, chuyên giao các giống tiêu mới có khả năng chống chịu bệnh chết nhanh, chết chậm, không bị nhiễm virus PYMoV (gây bệnh tiêu điên), có năng suất và chất lượng tốt, phù hợp với điều kiện từng vùng để làm vật liệu nhân giống đáp ứng nhu cầu trồng tái canh cây hồ tiêu hàng năm. Trồng bảo tồn và phát triển nguồn giống tiêu bản địa (cây Tiêu Ba Lé, huyện Ba Tơ), xây dựng nhãn hiệu đảm bảo tiêu thụ ổn định.

# **V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

## **1. Về tổ chức sản xuất**

Căn cứ kế hoạch đã được ban hành; UBND các huyện, thị xã, thành phố xác định quy mô vùng sản xuất cây công nghiệp phù hợp trong quy hoạch tỉnh và quy hoạch của địa phương; Ưu tiên chính sách của địa phương để mời gọi các doanh nghiệp đầu tư liên kết trồng và tiêu thụ sản phẩm cây công nghiệp; thúc đẩy hình thành các chuỗi liên kết sản xuất từ xây dựng vùng trồng đến chế biến, tiêu thụ sản phẩm.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp hỗ trợ phát triển các Hợp tác xã/Tổ hợp tác, nâng cao năng lực cho các thành viên Hợp tác xã.

Xây dựng các dự án/Kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị trong việc sản xuất, tiêu thụ sản phẩm cây công nghiệp, liên kết giữa người sản xuất với doanh nghiệp thu mua chế biến xuất khẩu; Hỗ trợ mỗi liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, tạo vùng nguyên liệu có chất lượng. Tiếp tục thực hiện chính sách thu hút

doanh nghiệp đầu tư thu mua, chế biến sản phẩm cây công nghiệp liên kết với nông dân đầu tư xây dựng vùng nguyên liệu và tiêu thụ sản phẩm.

- Phối hợp chặt chẽ với các doanh nghiệp định hướng quy mô vùng trồng cây công nghiệp; thúc đẩy hình thành các chuỗi liên kết sản xuất cây công nghiệp từ xây dựng vùng trồng đến chế biến, tiêu thụ sản phẩm.

- Phát triển các sản phẩm phải gắn với thị trường tiêu thụ, đảm bảo nâng cao tính cạnh tranh và giá trị gia tăng. Chế biến sản phẩm đi vào chiều sâu, áp dụng công nghệ tiên tiến, tạo ra thương hiệu đặc trưng riêng cho từng sản phẩm, trong đó có các sản phẩm đặc sản. Đa dạng hóa các sản phẩm phù hợp với thị hiếu tiêu thụ trong nước..

- Các hộ gia đình đẩy mạnh đầu tư phát triển cây công nghiệp, hình thành theo vùng nguyên liệu tập trung. Hợp tác xã liên kết với các hộ gia đình và doanh nghiệp đầu tư nhà sơ chế, kho chứa sản phẩm, liên kết với doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm cây công nghiệp.

- Định hướng chế biến sản phẩm thủ công nhỏ gắn với làng nghề, sản phẩm OCOP kết hợp với du lịch sinh thái, trải nghiệm.

- Đối với hộ gia đình, cần chủ động liên kết với doanh nghiệp thông qua Hợp tác xã để hình thành vùng sản xuất cây công nghiệp tập trung, gắn với xây dựng mã số vùng trồng truy suất nguồn gốc và tiêu thụ sản phẩm cây công nghiệp.

## **2. Về khoa học công nghệ**

- Tập trung tạo chuyên môn mạnh trong nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ vào sản xuất; ưu tiên trên một số lĩnh vực: Sản xuất giống, bảo vệ thực vật, kiểm tra chất lượng giống, phân bón, công nghệ sinh học, quy trình sản xuất thực hành nông nghiệp tốt; bảo quản, chế biến sản phẩm.

- Áp dụng các mô hình ứng dụng công nghệ sinh học, sản xuất nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp xanh, sạch trong trồng trọt có hiệu quả đã được khẳng định; ứng dụng các mô hình tưới tiên tiến, tiết kiệm nước, tăng cường sử dụng phân bón, thuốc BVTV có nguồn gốc hữu cơ, xử lý phụ phẩm nông nghiệp theo hướng thân thiện, bảo vệ môi trường, hạn chế phát thải khí nhà kính; đẩy mạnh áp dụng sản xuất theo hướng an toàn đạt tiêu chuẩn Viet GAP, hữu cơ; thực hiện đồng bộ các giải pháp về giống; kỹ thuật canh tác, đầu tư thâm canh để đảm bảo năng suất và chất lượng nguyên liệu.

- Tập trung sử dụng các biện pháp thâm canh tăng năng suất, sử dụng phân bón, thuốc BVTV đủ và đúng; Đẩy mạnh công tác chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật theo từng giai đoạn cụ thể theo quy trình đã ban hành như: Quy trình kỹ thuật thời kỳ kiến thiết cơ bản, quy trình kỹ thuật chăm sóc vườn cây thời kỳ kinh doanh.

- Thực hiện từng bước chuyển đổi số trong sản xuất cây công nghiệp, kết nối chế biến và xuất khẩu, phát triển thương mại điện tử cho sản phẩm cây công nghiệp đảm bảo truy xuất nguồn gốc, chứng nhận tiêu chuẩn an toàn, kết nối

giữa người sản xuất, vùng sản xuất với thương mại và người tiêu thụ; cải tiến, nâng cao chất lượng, mẫu mã bao bì các sản phẩm nhằm đáp ứng thị hiếu, nhu cầu người tiêu dùng, đồng thời đảm bảo sức cạnh tranh của các sản phẩm trên thị trường.

### **3. Xây dựng mô hình**

Xây dựng mô hình cây công nghiệp ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất; mô hình thâm canh bền vững; áp dụng quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), quản lý sức cây trồng tổng hợp (IPHM); sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ,...; mô hình liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm,... nhằm chuyển giao và nhân rộng kỹ thuật tiến bộ cho người sản xuất cây công nghiệp; giảm chi phí sản xuất, tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả của cây trồng, giảm ô nhiễm môi trường và bảo vệ sức khỏe của người sản xuất và người tiêu dùng.

### **4. Xây dựng thương hiệu và thị trường tiêu thụ**

- Xây dựng hình ảnh thương hiệu sản phẩm cây công nghiệp, thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại để người tiêu dùng có đủ thông tin về sản phẩm cây công nghiệp; đẩy mạnh các hoạt động kết nối, triển lãm, quảng bá giới thiệu sản phẩm giữa nhà sản xuất với người tiêu dùng.

### **5. Về Chính sách**

- Tiếp tục triển khai một số chính sách đã ban hành để phát triển bền vững, như chính sách khuyến khích Hợp tác xã, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng mẫu lớn (Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ); chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018); chính sách hỗ trợ áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản (Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ); chính sách hỗ trợ bảo hiểm nông nghiệp (Quyết định số 13/2022/QĐ-TTg ngày 09/5/2022); Chính sách về vay vốn tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 9/6/2015, số 116/2018/NĐ-CP ngày 7/9/2018; Quyết định 703/QĐ-TTg ngày 28/05/2020 của Chính phủ phê duyệt chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2030;

### **6. Nguồn kinh phí thực hiện**

Sử dụng lồng ghép vốn từ các chương trình, đề án, kế hoạch có liên quan để phát triển sản xuất, chuyển giao khoa học kỹ thuật, hỗ trợ hình thành các chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ; nghiên cứu, chuyển giao khoa học công nghệ về giống, thâm canh, thu hoạch, bảo quản, chế biến sản phẩm cây công nghiệp; xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm cây công nghiệp có giá trị kinh tế của tỉnh.

Nguồn ngân sách Nhà nước theo phân cấp ngân sách; nguồn tài trợ, nguồn xã hội hóa và các nguồn hợp pháp khác theo quy định để thực hiện nhiệm vụ của Kế hoạch này.

## V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### 1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chịu trách nhiệm theo dõi, tổng hợp tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch này, báo cáo UBND tỉnh về kết quả thực hiện, những khó khăn, tồn tại thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh để xem xét giải quyết kịp thời.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành của tỉnh; Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch thực hiện Đề án phát triển một số cây công nghiệp có giá trị kinh tế (dừa, chè, hồ tiêu) trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030; hướng dẫn, đôn đốc các địa phương triển khai thực hiện.

### 2. Sở Khoa học và Công nghệ

- Phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan đề xuất điều chỉnh, bổ sung các cơ chế, chính sách có liên quan tới hỗ trợ tăng cường năng lực nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học, công nghệ và tiến bộ kỹ thuật.

- Hướng dẫn việc đăng ký xác lập quyền sở hữu trí tuệ (*nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý*) cho sản phẩm cây công nghiệp của tỉnh và quản lý, phát triển thương hiệu đối với sản phẩm đã được cấp nhãn hiệu, Chỉ dẫn địa lý. Tham mưu, đề xuất các đề tài, dự án khoa học liên quan đến phát triển cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao của tỉnh.

- Phối hợp với Sở Tài chính đề xuất ưu tiên bố trí kinh phí sự nghiệp khoa học công nghệ thực hiện các đề tài nghiên cứu, dự án ứng dụng, chuyển giao khoa học và công nghệ liên quan đến phát triển các cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao trên địa bàn tỉnh.

### 3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh phân bổ nguồn vốn sự nghiệp thực hiện các Chương trình Mục tiêu quốc gia để lồng ghép thực hiện kế hoạch theo quy định của pháp luật.

### 4. Sở Tài chính

Phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các đơn vị có liên quan tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương. Hướng dẫn các huyện, thành phố bố trí kinh phí hàng năm để tổ chức thực hiện hiệu quả Kế hoạch.

### 5. Sở Công Thương

- Chủ trì, phối hợp các sở, ngành liên quan nghiên cứu, rà soát các cơ chế, chính sách xúc tiến thương mại, thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm cây công nghiệp. Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, thu hút các doanh nghiệp ký kết hợp đồng thu mua nông sản tại các vùng trồng được cấp mã số vùng trồng, đảm bảo an toàn thực phẩm tạo thuận lợi cho tiêu thụ sản phẩm cây công nghiệp.

## 6. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

- Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn của huyện tổ chức triển khai có hiệu quả Kế hoạch Phát triển cây Kế hoạch thực hiện Đề án phát triển một số cây công nghiệp có giá trị kinh tế (dừa, chè, hồ tiêu) trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030 trên địa bàn. Vận động nhân dân, doanh nghiệp, Hợp tác xã, tổ hợp tác tổ chức liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cây công nghiệp trên địa bàn đảm bảo đạt mục tiêu của Kế hoạch.

- Chỉ đạo cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn hàng năm rà soát, hướng dẫn người sản xuất thực hiện tốt các giải pháp kỹ thuật sản xuất cây công nghiệp đảm bảo hiệu quả kinh tế, ổn định sinh kế, đúng quy hoạch.

- Căn cứ nhu cầu thực tế của địa phương, xây dựng Kế hoạch thực hiện có hiệu quả Kế hoạch này; định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện với Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp*).

- Khuyến khích và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp nông thôn. Tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp,... tham gia đầu tư phát triển cây công nghiệp trên địa bàn.

Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vướng mắc, phát sinh cần sửa đổi, bổ sung, các cơ quan, đơn vị chủ động gửi ý kiến về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định./.

### **Nơi nhận:**

- Bộ Nông nghiệp và PTNT (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Nông nghiệp và PTNT; Khoa học và Công nghệ; Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính, Công thương;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- VPUB: CVP, PCVP, KTN, CBTH;
- Lưu: VT, KTN.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Phước Hiền**